TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 06.12.2022
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Hà**
2. Ông **Đỗ Đức Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 171/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thu H,** sinh năm 1984
Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1980
Địa chỉ: Xóm 4, thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 4, thôn 3, xã L, huyện B đến nay. Cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng không hạnh phúc. Lý do anh T không lo làm ăn, không chăm lo gia đình. Một năm anh T đi làm thợ xây được khoảng 01 đến 02 tháng, còn lại ở nhà, không có thu thập, không lo được cho gia đình con cái. Một mình chị H làm thuê lo đời sống gia đình cả 04 người. Thời gian kéo dài, chị H, gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu

thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, kinh tế khó khăn, từ tháng 3/2022 đến nay vợ chồng đã ly thân, chị H và các con thuê nhà trọ ở riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thu V, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 10/5/2013, các con đang ở với chị H. Nay chị H yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/8/2022 nhưng không thành. Ngày 20/9/2022 chị H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung cần xem xét giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Thu V, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 10/5/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T chung sống nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/11/2005. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống hôn nhân bình thường, ổn định tại thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng đến nay không thể hàn gắn được. Chị H trình bày anh T không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Mâu thuẫn này kéo dài nên đã ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Vợ chồng không còn yêu thương nhau, không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa có xác minh chính quyền địa phương nơi cư trú thì vợ chồng chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn nhưng không rõ lý do, hiện nay phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án có tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H có mặt, anh T vắng mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị H kiên quyết ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị H, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị H xuất trình cho Tòa án thì chị và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Thu V, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 10/5/2013. Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung và có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh T được Tòa án triệu tập làm việc nhưng không đến nên không thể hiện ý kiến về con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Thu V, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 10/5/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H trình bày chị với anh T về có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H trình bày chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn T phải giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Thu V, sinh ngày 02/9/2006 và Nguyễn Văn Đức H, sinh ngày 10/5/2013 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

"*Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hđã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004498 ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy